

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO SINH DƯỢC TRƯỜNG XUÂN GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO SINH DƯỢC TRƯỜNG XUÂN GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109524379

3. Ngày thành lập: 08/02/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số nhà 26, ngõ 394 đường Đội Cấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0326443236

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: - Trồng cây gia vị - Trồng cây dược liệu	0128(Chính)
2.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
3.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
4.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
5.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
6.	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: - Hoạt động ấp trứng, sản xuất giống gia cầm - Chăn nuôi gà - Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng - Chăn nuôi gia cầm khác	0146
7.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm.	0149
8.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
9.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

10.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
11.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
12.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
13.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: - Ươm giống cây lâm nghiệp - Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ - Trồng rừng và chăm sóc rừng tre, nứa - Trồng rừng và chăm sóc rừng khác	0210
14.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Sản xuất thuốc các loại - Sản xuất hóa dược và dược liệu	2100
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...)	4299
16.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

17.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
18.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, pháp lý, kế toán)	7020
19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản.	7110
20.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
21.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
22.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

23.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ; - Hoạt động đánh giá trừ bất động sản và bảo hiểm (cho đồ cổ, đồ trang sức...); - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...	7490
24.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
25.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 50 Luật Quản lý Ngoại Thương năm 2017)	8299
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
29.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
30.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa	8620
31.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
32.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng các đối tượng khác - Nhà dưỡng lão có sự chăm sóc điều dưỡng; - Nhà an dưỡng; - Nhà nghỉ có chăm sóc điều dưỡng; - Các cơ sở chăm sóc điều dưỡng; - Nhà điều dưỡng.	8710

33.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác Chi tiết: Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu - Việc cung cấp dịch vụ chăm sóc cho cá nhân hoặc dân cư loại trừ đối với người già và người bị khuyết tật, những người mà không thể tự chăm sóc mình một cách đầy đủ hoặc những người không muốn sống độc lập một mình; - Hoạt động tại các cơ sở tập trung liên tục của các cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức tư nhân cung cấp sự trợ giúp của xã hội đối với trẻ em và những nhóm người bị một số hạn chế về khả năng tự chăm sóc, nhưng ở đó sự điều trị y tế, hoặc sự giáo dục không phải là yếu tố quan trọng, bao gồm: + Trại mồ côi, + Các ký túc xá, nhà ở nội trú cho trẻ em, + Nhà ở tạm thời cho người vô gia cư, + Các cơ sở chăm sóc cho các bà mẹ chưa kết hôn và con cái của họ.	8790
34.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
35.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
36.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
37.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
38.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41.	Khai thác quặng sắt	0710
42.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
43.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác - Hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ trên cơ sở phí hoặc hợp đồng cho hoạt động khai thác thuộc ngành 05, 07 và 08; - Hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò theo phương pháp truyền thống và lấy mẫu quặng, thực hiện các quan sát địa chất tại khu vực có tiềm năng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ khoan thử và đào thử.	0990
45.	In ấn	1811
46.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

47.	Phá dỡ	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
49.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
51.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
52.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
53.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
54.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
55.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659

6. Vốn điều lệ: 500.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 50.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỒNG ĐỨC ĐOÀN	Tổ 1, Phường Nam Khê, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000.000	100.000.000.000	20,000	022079001590	
			Tổng số	10.000.000	100.000.000.000	20,000		
2	LƯU HỒNG HẢI	Chính Trung, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	30,000	125377703	
			Tổng số	15.000.000	150.000.000.000	30,000		
3	PHÙNG THỊ LAN	Phương xá, Xã Chương Xá, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000.000	100.000.000.000	20,000	131210844	
			Tổng số	10.000.000	100.000.000.000	20,000		
4	LÊ MINH HỒNG	số 1C phố Phan bội Châu, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	30,000	001056010126	
			Tổng số	15.000.000	150.000.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 09/11/1979

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 022079001590

Ngày cấp: 18/01/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 1, Phường Nam Khê, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 1, Phường Nam Khê, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 16/03/1956

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001056010126

Ngày cấp: 25/07/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 1C phố Phan bội Châu, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: số 1C phố Phan bội Châu, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội